Bộ Giáo dục và Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Ban hành theo quyết định số: 355 /QĐ_ĐT ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng)

Hệ Đào Tạo Đại học chính quy (Tín chỉ) (BA)
Ngành Đào Tạo Kinh doanh nông nghiệp (KN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Tối Thiểu Của Tất Cả Các Môn Học 135
Điểm Trung Bình Tích Lũy Tối Thiểu 2.00

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	Năm	HK
Môn Học Theo Chương Trình							
1	NN	Chuẩn đầu ra B1	0.0				
2	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5.0	75.0		1	1
3	202114	Toán cao cấp C1	3.0	45.0		1	1
4	202115	Toán cao cấp C2	3.0	45.0		1	1
5	202501	Giáo dục thể chất 1*	1.0		45.0	1	1
6	202622	Pháp luật đại cương	2.0	30.0		1	1
7	213601	Anh văn 1	5.0	75.0		1	1
8	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3.0	45.0		1	2
9	200202	Quân sự (thực hành)*	3.0		90.0	1	2
10	202121	Xác suất thống kê	3.0	45.0		1	2
11	202502	Giáo dục thể chất 2*	1.0		45.0	1	2
12	202620	Kỹ năng giao tiếp	2.0	30.0		1	2
13	208109	Kinh tế vi mô 1	3.0	45.0		1	2
14	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3.0	45.0		1	2
15	213602	Anh văn 2	5.0	75.0		1	2
16	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3.0	45.0		2	1
17	208423	Luật thương mại	2.0	30.0		2	1
18	210301	Bao bì thực phẩm	2.0	30.0		2	1
19	208211	Kinh tế lượng căn bản	3.0	30.0	30.0	2	2
20	208416	Quản trị học	2.0	30.0		2	2
21	208453	Marketing căn bản	2.0	30.0		2	2
22	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	30.0		3	1
23	208132	Kiến tập thống kê định lượng	2.0			3	1
24	208213	Thống kê doanh nghiệp	3.0	30.0	30.0	3	1
25	208222	Phân tích định lượng trong QL	3.0	30.0	30.0	3	1
26	208347	Tài chính doanh nghiệp 1	3.0	30.0	30.0	3	1
27	208431	Quản trị Marketing	3.0	45.0		3	1
28	210340	Công nghệ chế biến rau quả	3.0	30.0	30.0	3	1
29	208406	Quản trị chiến lược	3.0	45.0		3	2
30	208427	Kinh doanh quốc tế	3.0	45.0		3	2
31	208444	Tiếp thị nông sản	2.0	30.0		3	2
32	208403	Phương pháp NCKH	2.0	30.0		4	1
33	208421	Dự án đầu tư	3.0	30.0	30.0	4	1
34	208429	Quản trị chất lượng	3.0	45.0		4	1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	Năm	HK
35	208470	Quản trị kinh doanh NN	3.0	45.0		4	1
36	208472	Quản trị chuỗi cung ứng	3.0	45.0		4	1
37	208529	Kiến tập chuyên ngành	2.0			4	1
Cộng Nhóm:			99.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 01 - Phải Đạt 8 TC							
1	202621	Xã hội học đại cương	2.0	30.0		2	1
2	203608	Nông học đại cương	2.0	30.0		2	1
3	203703	Chăn nuôi đại cương	2.0	30.0		2	1
4	205108	Lâm nghiệp đại cương	2.0	30.0		2	1
5	206109	Thuỷ sản đại cương	2.0	30.0		2	1
6	209509	Phong thủy ứng dụng	3.0	30.0	30.0	2	1
Cộng Nhóm:			13.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 02 - Phải Đạt 10 TC							
1	208104	Kinh tế nông lâm đại cương	2.0	30.0		3	2
2	208139	Kinh tế học kinh doanh	3.0	45.0		3	2
3	208336	Nguyên lý kế toán	3.0	45.0		3	2
4	208424	Quản trị nhân sự	3.0	45.0		3	2
5	208446	Ngoại ngữ chuyên ngành KDNN	3.0	45.0		3	2
6	208461	Động thái khách hàng	2.0	30.0		3	2
Cộng Nhóm:			16.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 03 - Phải Đạt 8 TC							
1	208327	Nghiệp vụ thanh toán	2.0	30.0		2	2
2	208335	Kế toán quản trị	3.0	45.0		2	2
3	208337	Thuế	2.0	30.0		2	2
4	208340	Tài chính tiền tệ	2.0	30.0		2	2
5	208422	Hành vi tổ chức	2.0	30.0		2	2
6	208430	Nghiên cứu thị trường	2.0	30.0		2	2
7	208456	Nghiệp vụ ngoại thương	2.0	30.0		2	2
Cộng Nhóm:			15.0				
Nhóm MH Bắt Buộc Tự Chọn 04 - Phải Đạt 10 TC							
1	208144	Tiểu luận tốt nghiệp	4.0	60.0			
2	208145	Phân tích rủi ro trong NN	3.0	45.0			
3	208146	Nghiên cứu Marketing ứng dụng	3.0	45.0			
4	208147	Kinh tế thị trường nông sản	2.0	30.0			
5	208148	KT sản xuất nông nghiệp UD	2.0	30.0			
6	208902	Khóa luận tốt nghiệp	10.0				
Cộng Nhóm:			24.0				

Tổng tín chỉ bắt buộc: 99 Tổng tín chỉ các nhóm bắt buộc tự chọn: 36

(*) Môn điều kiện, khi hoàn thành sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ.

(**) Môn điều kiện, sinh viên có thể đăng ký học hoặc không. Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo Quyết định số 163/QĐ-ĐT-ĐNHL ngày 14/02/2011 của Hiệu trưởng ĐHNLTPHCM

Hiệu trưởng	Trưởng phòng Đào tạo	P. Trưởng khoa/bộ môn
TS. Trịnh Trường Giang		TS.Đặng Minh Phương